TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2026/DS-ST
Ngày 23-4-2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng cầm cố"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thu Nhi.
2. Bà Nguyễn Thị Kiều Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ Đăng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang – Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 601/2025/TLST- DS, ngày 26/11/2025 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2026/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty S

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal Napat – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Teeravikavee Kachaphas - Giám đốc.

Địa chỉ: Số 128, đường Nguyễn Du, phường Trường Vĩnh, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo ủy quyền: Trần Thị Yến Linh, sinh năm 2001 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Công ty Sawad Tiền CóNgy Châu Thành 1, ấp LộNgng, Kim Sơn, Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Lâm ThuýNg, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 360A, Khu phố Mỹ An, phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty S (Sau đây gọi là Công ty Sawad), có đại diện theo ủy quyền là Trần Thị Yến Linh trình bày:

Vào ngày 29/06/2020 Chi nhánh Tiền Giang - Châu Thành 1 - Công ty Cổ Phần Sawad Tiên CóNgy và bà Lâm ThúyNg có ký Hợp đồng cầm cố tài sản số MTM200101004NA18X và Giấy mượn xe, cụ thể như sau:

- Tài sản cầm cố là: 01 xe máy. Biển kiểm soát: 63B9-200.27;

+Loại xe: Vision 110cc Fi, màu: Dark blue;

+ Số khung: 330XCY027910-só máy JF33E0027952.

Số giấy chứng nhận đăng ký xe số 100231, do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/08/2019;

- Số tiền cầm cố: 9,000,000 đồng (Băng chữ: Chín triệu đồng).

- Mục đích giải ngân: Vay tiêu dùng cá nhân và kinh doanh;

- Thời hạn cầm cố: 12 tháng, từ ngày 29/06/2020-29/06/2021;

- Lãi suất cầm cố 1,1% số tiền cầm cố/tháng;

- Phí quản lý hồ sơ: 4,00% số tiền cầm cố/tháng;

- Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn, tình từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn;

- Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán;

- Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm;

- Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 0 đồng/tháng. Trong trường hợp thanh toán đúng hạn là: 0 đồng/tháng.

- Đăng ký biện pháp giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap: theo web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/

- SAWAD đã tiến hành giải ngân cho bà Lâm ThúyNg số tiền 9.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín triệu đồng) theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết. Do nhu cầu cần phương tiện để phục vụ công việc. SAWAD và bà Lâm ThúyNg có thỏa thuận rằng bà Lâm ThúyNg sẽ mượn lại tài sản theo Giấy mượn xe, thời gian mượn tài sản từ n gày 19/01/2020-19/02/2020.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Lâm ThúyNg đã vi phạm nội dung đã thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố đã ký, khoản vay đã quá hạn thanh toán từ ngày 29/04/2021. Đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại là 1630 ngày.

Tạm tính đến ngày 29/04/2021, bà Lâm ThúyNg đã thanh toán cho Công ty S số tiền tổng cộng là: 9.576.346 đồng, trong đó tiền gốc là 6.468.634 đồng, tiền lãi là 670.291 đồng, tiền phí là 2.437.431 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn là 0 đồng.

Tạm tính đến ngày 15/10/2025, bà Lâm ThúyNg còn nợ Công ty S số tiền là 4.946.987 vnd (Bốn triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi bảy đồng).

Từ nội dung sự việc trên, bà Lâm ThúyNg đã có hành vi cầm cố tài sản tại Công ty chúng tôi, nhận được tiền thông qua Hợp đồng cầm cố, chúng tôi tạo điều kiện cho mượn lại xe để sử dụng sau đó khi đến hạn, bà Lâm ThúyNg không thanh toán theo hợp đồng và trả lại xe cho công ty. Công ty S quyết định khởi kiện bả Lâm ThúyNg ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

- Yêu cầu: Buộc bà Lâm ThuýNg phải thanh toánNgy cho Công ty S số tiền 4.946.987 đồng tính đến ngày 15/10/2025, bao gồm:

- Tiền gốc còn lại chưa trả: 2.531.366 đồng;

- Tiền lãi trong hạn: 31.545 đồng;

- Phí quản lý hồ sơ cố định: 114.707 đồng,

- Tiền lãi quá hạn: 2.269.369 đồng;

- Phí mượn xe: 0 đồng;

Ngoài ra bà Lâm ThuýNg còn phải tiếp tục chịu lãi suất, lãi quá hạn và các loại phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 16/10/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- *Bị đơn Lâm ThúyNg*: Không trình bày ý kiến gì đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn là chị Trần Thị Yến Linh xin vắng mặt. Bị đơn Lâm ThúyNg vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định. Đối với bị đơn, chưa chấp hành đúng triệu tập của Tòa án theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Công ty S khởi kiện yêu cầu bà Lâm ThúyNg có trách nhiệm trả số tiền theo hợp đồng cầm cố giữa bà Nguyên với Công ty S – chi nhánh Mỹ . BàNg có nơi cư trú tại phường Mỹ Phong, tỉnh Đồng Tháp. Theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án có quan hệ tranh chấp hợp đồng cầm cố, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Bị đơn Lâm ThúyNg đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự, là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về chứng cứ chứng minh: Nguyên đơn khởi kiện có cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, là hợp đồng cầm cố có xác nhận của Công ty Sawad chi nhánh Mỹ Tho và bị đơn. Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng là tống đạt các văn bản tố tụng cho bàNg bằng hình thức niêm yết, trong các thông báo của Tòa, nói rõ yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng từ khi thụ lý vụ án, đến khi xét xử bàNg không có ý kiến phản đối nào đối với yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. Căn cứ khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, để làm căn cứ xem xét giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Căn cứ các chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Tại hợp đồng cầm cố số MTM200601022NA12X ngày 29/6/2020 được ký kết giữa 02 bên và phụ lục hợp đồng, có nội dung, bàNg đã cầm cố cho Công ty Sawad tài sản là chiếc xe mô tô hai bánh Biển kiểm soát: 63B9-200.27; Loại xe: Vision 110cc Fi, màu: Dark blue; Số khung: 330XCY027910-số máy JF33E0027952; Số giấy chứng nhận đăng ký xe số 100231, do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 23/08/2019; Số tiền cầm cố: 9,000,000 đồng (Băng chữ: Chín triệu

đồng); Mục đích giải ngân: Vay tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Thời hạn cầm cố: 12 tháng, từ ngày 29/06/2020-29/06/2021; Lãi suất cầm cố 1,1% số tiền cầm cố/tháng; Phí quản lý hồ sơ: 4,00% số tiền cầm cố/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất của số tiền nợ gốc quá hạn, tình từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí bảo dưỡng và hao mòn xe: 0 đồng/tháng. Trong trường hợp thanh toán đúng hạn là: 0 đồng/tháng; BàNg có nghĩa vụ thanh toán tiền hàng tháng với số tiền 1.021.163.63 đồng vào ngày 29 hàng tháng từ tháng 7/2020 đến tháng 6/2021. Tại giấy mượn xe ngày 29/6/2020 được ký kết giữa hai bên thể hiện, sau khi ký kết hợp đồng cầm cố, do có nhu cầu sử dụng xe nên máy nên bàNg có ký mượn lại chiếc xe máy vừa cầm cố để làm phương tiện đi lại.

[3.2] Theo nguyên đơn trình bày do ngày 29/4/2021 bàNg vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận và có cung cấp bảng kê số tiền phải đóng của bà Lâm ThúyNg, tạm tính đến ngày 29/04/2021, bà Lâm ThúyNg đã thanh toán cho Công ty S số tiền tổng cộng là: 9.576.346 đồng, trong đó tiền gốc là 6.468.634 đồng, tiền lãi là 670.291 đồng, tiền phí là 2.437.431 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn là 0 đồng. Còn nợ lại, tính đến ngày xét xử Công ty Sawad yêu cầu bàNg phải trả cho Công ty Sawad số tiền 5.700.386 đồng, trong đó tiền gốc là 2.775.679 đồng, tiền lãi trong hạn là 31.545 đồng, lãi quá hạn 2.778.455 đồng, tiền phí là 114,707 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn là 0 đồng.

[3.3] Xét các hợp đồng trên là hợp đồng hợp pháp, đúng qui định tại Điều 117, 309 Bộ luật Dân sự 2015. Từ những căn cứ trên cho thấy, phía bàNg có ký kết hợp đồng tín dụng với nguyên đơn và trong quá trình thực hiện hợp đồng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn. Nguyên đơn cho rằng do hiện bàNg đang sử dụng chiếc xe hai bánh là tài sản cầm cố và không liên hệ thu hồi được nên nguyên đơn chỉ yêu cầu bàNg thanh toán nghĩa vụ bằng tiền theo số tiền tổng cộng 5.700.386 đồng và không nhận lại tài sản cầm là có căn cứ. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty Sawad yêu cầu bàNg phải trả cho Công ty Sawad số tiền 5.700.386 đồng, trong đó tiền gốc là 2.775.679 đồng, tiền lãi trong hạn là 31.545 đồng, lãi quá hạn 2.778.455 đồng, tiền phí là 114,707 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn là 0 đồng.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp là có cơ sở và phù với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà Lâm ThúyNg phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 40, 91, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 117 và 309, 311, 312, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

Buộc bà Lâm ThúyNg phải trả cho Công ty S, số tiền tính đến ngày 23/4/2026 là 5.700.386 đồng, trong đó tiền gốc là 2.775.679 đồng, tiền lãi trong hạn là 31.545 đồng, lãi quá hạn 2.778.455 đồng, tiền phí là 114,707 đồng, phí bảo dưỡng và hao mòn là 0 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà Lâm ThúyNg còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh của số tiền chưa thanh toán, theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

2. Về án phí: Bà Lâm ThúyNg phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty S số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0009040 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Lâm Thúy Nguyên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1;
- THADS Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 1
DFL230426.TL.QDBA
1431

Phạm Thị Sắc Ly

Xin thay đổi họ tên chị Hằng, tên chính xác Trần Thị Thu Hằng.

Trong năm 2020 Tuấn Anh có cho bà Trần Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên mượn số tiền 260.000.000đồng. Cụ thể như sau:

Vào ngày 17/5/2020 Tuấn Anh có cho bà Trần Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên mượn số tiền 140.000.000 đồng, không lãi suất, thời hạn mượn thỏa thuận miệng là trong vòng 12 tháng trả (tức là đến ngày 17/5/2021 đến hạn trả tiền mượn), việc mượn tiền bà Nguyễn Thị Ngọc Liên có viết giấy mượn tiền cho Tuấn Anh vào ngày 17/5/2020, nhưng trong biên nhận Tuấn Anh ghi là Tuấn Anh gởi cho bà Hằng, còn bà Liên là người trực tiếp nhận tiền.

Vào ngày 26/8/2020 Tuấn Anh có cho bà Trần Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên mượn số tiền 120.000.000đồng, không lãi suất, thời hạn mượn thỏa thuận miệng là đến ngày 17/5/2021 trả tiền mượn, việc mượn tiền bà Nguyễn Thị Ngọc Liên có viết giấy mượn tiền cho Tuấn Anh vào ngày 26/8/2020, nhưng trong biên nhận Tuấn Anh ghi là Tuấn Anh gởi cho bà Hằng, còn bà Liên là người trực tiếp nhận tiền.

Đã quá thời hạn trả số tiền mượn nhưng bà Trần Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên không trả cho Tuấn Anh số tiền 260.000.000đồng, Tuấn Anh đã nhiều lần đòi nợ bà Trần Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, thì bà Trần Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên trả cho Tuấn Anh được số tiền 85.000.000đồng, bà Trần Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên còn nợ lại Tuấn Anh số tiền 175.000.000đồng.

Ngày 11/4/2022 bà Trần Thị Thu Hằng viết cam kết kết sẽ trả cho Tuấn Anh 3.000.000đồng mỗi tháng, trả đến khi hết nợ, sau khi bà Trần Thị Thu Hằng viết cam kết đến nay bà Trần Thị Thu Hằng chỉ trả cho Tuấn Anh được số tiền là 25.000.000đồng, rồi lẫn tránh Tuấn Anh không thực hiện việc trả cho Tuấn Anh số tiền còn nợ còn lại. Hiện nay bà Nguyễn Thị Thu Hằng, bà Nguyễn Thị Ngọc Liên còn nợ Tuấn Anh số tiền mượn là 150.000.000đồng

Ông Nguyễn Tuấn Anh yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu Hằng và bà Nguyễn Thị Ngọc Liên liên đới trả số tiền vay tổng cộng 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu thực hiệnNgy khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Trần Thị Thu Hằng trình bày:

Bà thừa nhận bà và con gái có ký tên theo các biên nhận nợ mà Tuấn Anh cung cấp tại hồ sơ. Gồm biên nhận ngày 17/5/2020, biên nhận ngày 26/8/2020, biên nhận 11/4/2022, nội dung số tiền vay là đúng, nhưng bà người mượn tiền, con bà chỉ ký thay. Hiện tại còn nợ lại Tuấn Anh tổng cộng là 150.000.000 đồng, nhưng xin trả dần. Tên của bà theo biên nhận và đơn khởi kiện ghi nhầm, tên chính xác là Trần Thị Thu Hằng. Hiện tại con bà Nguyễn Thị Ngọc Liên và bà cùng cư trú tại địa chỉ: ấp Thạnh Hiệp, xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp.

** Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Liên trình bày:*

Trước dịch Covid bà Hồng đưa tiền cho mẹ của chị (bà Hằng) để mẹ chị đưa cho người khác vay, khoảng 10 ngày là lấy lãi mẹ chị nhận và giao tiền trực tiếp cho bà Hồng, bà Hồng có cho mẹ chị một ít tiền công. Mẹ chị nhận tiền và trả cho bà Hồng rất nhiều lần nhưng không có làm giấy ký nhận tiền giữa mẹ chị và bà Hồng do mẹ chị không biết chữ. Buổi chiều chị mới đi làm về, chị không nhớ rõ là ngày nào thì bà Hồng có đến nhà gặp chị bà bảo: "Mẹ và cô làm chia ra kiếm ăn con ký tên vô tờ giấy này không có sao đâu". Bà Hồng bảo bà đã viết sẵn nội dung trong tờ giấy. Lúc đầu chị không đồng ý nhưng bà Hồng nói rất nhiều lần là do mẹ và cô làm ăn con ký không có sao đâu nên chị có ký vào 02 tờ giấy nhưng chị không có đọc nội dung trong tờ giấy mà bà Hồng đưa cho chị ký và chị cũng không có nhận bất cứ tiền mặt gì bên phía bà Hồng giao. Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 31 tháng 12 năm 2025 chị có trình bày là: "Tôi không có nhận bất kỳ số tiền nào từ bà Nguyễn Thị Hồng và ông Nguyễn Tuấn Anh" Cho đến hiện tại bà vẫn bảo lưu quan điểm là chị có ký vào 02 tờ giấy và chị cũng không có đọc nội dung tờ giấy mà bà Hồng đã soạn sẵn đưa cho chị ký, cũng như chị không có nhận bất kỳ số tiền nào từ phía bà Hồng.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hồng đại diện ủy quyền cho Nguyễn Tuấn Anh trình bày, thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà Hằng trả số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu chị Liên trả số tiền trên.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu Hằng trình bày: Đồng ý trả số tiền trên cho Tuấn Anh.

Bị đơn Nguyễn Thị Ngọc Liên trình bày: Không đồng ý liên đới trả tiền, vì chị không có mượn tiền của Tuấn Anh.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều thực hiện đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Tuấn Anh yêu cầu bà Hằng trả số tiền 150.000.000 đồng cho Tuấn Anh là có căn cứ, đối với yêu cầu chị Liên liên đới cùng bà Hằng trả tiền là không có căn cứ chấp nhận, tại phiên tòa bà Hồng thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu bà Hằng trả số tiền 150.000.000 đồng cho Tuấn Anh, không yêu cầu chị Liên liên đới trả nợ. Bà Hằng đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng cho Tuấn Anh. Do các bên đã tự nguyện thỏa thuận, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Tuấn Anh, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày, tranh luận của đương sự, ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Tuấn Anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn Trần Thị Thu Hằng và Nguyễn Thị Ngọc Liên liên đới trả số tiền theo biên nhận đã ký kết. Bị đơn có nơi cư trú tại xã An Thạnh Thủy, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Hợp đồng vay tài sản", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đồng Tháp.

[2] Về yêu cầu của đương sự và nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Nguyễn Thị Thu Hằng và Nguyễn Thị Ngọc Liên cùng liên đới trả số tiền là 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Chứng cứ là các biên nhận do nguyên đơn cung cấp.

[2.1] Căn cứ biên nhận ngày 17/5/2020 thể hiện "con Nguyễn Tuấn Anh đem gởi cho thím 2 Nguyễn Thị Thu Hằng 140.000.000 (một trăm bốn mươi triệu đồng) người gửi ký tên Nguyễn Tuấn Anh, người nhận ký tên Nguyễn Thị Ngọc Liên". Căn cứ biên nhận ngày 26 tháng 8 năm 2020 thể hiện "Con Nguyễn Tuấn Anh đem gửi cho Thím 2: Nguyễn Thị Thu Hằng 120.000.000 (một trăm hai chục triệu đồng) người gửi Nguyễn Tuấn Anh, người nhận Nguyễn Thị Ngọc Liên". Căn cứ biên nhận ngày 11/4/2022, thể hiện nội dung: "Nguyễn Thị Thu Hằng hứa trả cho con Nguyễn Tuấn Anh mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu đồng) Nguyễn Tuấn Anh còn gởi 175.000.000 (một trăm bảy lăm triệu đồng) cho Nguyễn Thị Thu Hằng. Người viết ký tên Nguyễn Tuấn Anh, người kí nhận ký tên Hằng".

[2.2] Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận nội dung biên nhận và chữ viết chữ ký họ tên ký nhận vào biên nhận, nên xem như tình tiết không phải chứng minh. Phía bà Hằng thừa nhận, căn cứ theo 02 biên nhận năm 2020 thì bà Hằng có mượn số tiền tổng cộng là 260.000.000 đồng từ anh Tuấn Anh, bà đã trả 110.000.000đồng nên còn nợ lại 150.000.000 đồng của Tuấn Anh. Phía Tuấn Anh cho rằng bà Hằng và chị Liên vào năm 2020 có mượn số tiền 260.000.000 đồng, sau đó cả hai có trả cho Tuấn Anh 110.000.000 đồng, nên giờ cả hai còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng. Phía chị Liên cho rằng có ký nhận vào 02 biên nhận năm 2020 nhưng ký nhận dùm bà Hằng chứ không có vay tiền của Tuấn Anh. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị Hồng thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu bà Hằng trả số tiền 150.000.000 đồng cho Tuấn Anh, không yêu cầu chị Liên liên đới thực hiện nghĩa vụ. Bà Hằng đồng ý trả số tiền còn nợ lại của Tuấn Anh là 150.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng vào ngày 01 tây hàng tháng, nếu vi phạm thì Tuấn Anh có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ 01 lần. Do bà Hồng đồng ý yêu cầu trả dần trên, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 Đồng Tháp là có cơ sở và phù với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Hằng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92, 94, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Tuấn Anh. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

Buộc Trần Thị Thu Hằng có trách nhiệm trả cho Nguyễn Tuấn Anh số tiền vay 150.000.000 đồng, bằng hình thức trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật, bắt đầu từ ngày 01 tây hàng tháng. Nếu bà Trần Thị Thu Hằng vi phạm nghĩa vụ trả dần thì Nguyễn Tuấn Anh có quyền yêu cầu thi hành án toàn bộ số tiền trên.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Thu Hằng phải chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn lại cho Nguyễn Tuấn Anh số tiền 3.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005298 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị Thu Hằng, anh Nguyễn Tuấn Anh, chị Nguyễn Thị Ngọc Liên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 1;
- THADS Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10b)

TAND KHU VỰC 1
XMQ130326.TL.QDBA
744

Phạm Thị Sắc Ly

Hội thẩm nhân dân Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

s

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Sắc Ly